TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 /11 / 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 744/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày, qua thời gian tìm hiểu, ông N và bà N kết hôn vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, ông N, bà N có sinh 02 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 21/11/1996 và Trần Minh H, sinh ngày 01/12/1998; không có tài sản chung, nợ chung. Cả 2 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Sau khi kết hôn, ông N và bà N sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông N, bà N không còn sống chung từ năm 2017 đến nay.

Do tình cảm không còn nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Trích lục khai sinh Trần Thị Thu T, Trần Minh H (bản sao), bản sao giấy chứng minh nhân dân Trần Văn N, Nguyễn Thị N và sổ hộ khẩu gia đình tên chủ hộ là Trần Văn T (bản photo).

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày,* bà N và ông N quen biết rồi kết hôn vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Bà N, ông N chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Bà N, ông N không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm không còn nên bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N. Về con chung, bà N, ông N có sinh 02 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 21/11/1996 và Trần Minh H, sinh ngày 01/12/1998. Cả 02 con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Ông N trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông N, bà N chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, đề nghị không công nhận ông N, bà N là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung, do 02 con chung đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận ông N và bà N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Đồng thời, bà N cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị N cùng thống nhất, sau thời gian quen biết, ông N, bà N kết hôn năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo Công văn số 788/CV.UBND ngày 15/10/2019, Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chợ Mới cung cấp thông tin, từ năm 1995 đến nay, ông N, bà N không đăng ký kết hôn.

Xét, ông N, bà N chung sống với nhau vào năm 1995. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng ông N, bà N không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận ông N và bà N là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Ông N và bà N xác định, trong thời gian chung sống, ông N, bà N có sinh 02 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 21/11/1996 và Trần Minh H, sinh ngày 01/12/1998. Do cháu T, cháu H đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; ông N, bà N không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Ông N, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Do cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 21/11/1996 và Trần Minh H, sinh ngày 01/12/1998 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai số TU/2016/0013484 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 8 năm 2019; ông Trần Văn N đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình